

72.  
20/10/14.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2010 /SNN-LN

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 10 năm 2014

20/10/14  
Kính gửi:  
- Ban Kế hoạch  
- Ban Tài chính  
(Kính gửi UBND tỉnh)  
- Lưu VP  
- Lưu Văn phòng (đơn vị)

**HƯỚNG DẪN**  
**Trình tự, thủ tục nghiệm thu kết quả bảo vệ rừng**  
**cung ứng dịch vụ môi trường rừng**

Căn cứ Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 59/2007/QĐ-BNN ngày 19/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định nghiệm thu trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, chăm sóc rừng trồng, bảo vệ rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên ban hành kèm theo Quyết định số 06/2005/QĐ-BNN ngày 24/01/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2012/TT-BNNPTNT ngày 07/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự thủ tục nghiệm thu thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ văn bản số 1311/UBND-NLN ngày 12/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại văn bản số 2633/UBND-NLN ngày 23/9/2014 về việc ủy quyền phê duyệt phương án quản lý bảo vệ rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang cụ thể hóa hướng dẫn trình tự, thủ tục nghiệm thu bảo vệ rừng cung ứng DVMTR đối với các chủ rừng là tổ chức nhà nước, tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng; chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (sau đây gọi chung là chủ rừng), trên địa bàn tỉnh như sau:

**I. Căn cứ nghiệm thu:**

a) Kế hoạch chi trả dịch vụ môi trường rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp chủ rừng là tổ chức thì ngoài kế hoạch chi trả dịch vụ môi trường rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt cần có thêm: Hồ sơ về

hiện trạng khu rừng (số liệu, bản đồ) được cập nhật tại thời điểm thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

c) Riêng đối với chủ rừng là tổ chức nhà nước; các tổ chức không phải là chủ rừng nhưng hiện được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng cần có thêm: Hợp đồng khoán bảo vệ rừng giữa chủ rừng với hộ nhận khoán (hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

## **II. Trình tự, thủ tục, thành phần nghiệm thu:**

### **1. Đối với chủ rừng là tổ chức nhà nước, các tổ chức không phải là chủ rừng nhưng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng**

a) Bước 1. Chủ rừng thực hiện nghiệm thu đối với hộ nhận khoán.

Thành phần nghiệm thu gồm: Đại diện chủ rừng và hộ, nhóm hộ hoặc cộng đồng dân cư nhận khoán.

Hồ sơ nghiệm thu gồm: Biểu số 02: 02 bộ (Chủ rừng 01 bộ, bên nhận khoán 01 bộ)

b) Bước 2. Tổng hợp kết quả nghiệm thu theo biểu mẫu quy định tại Quyết định số 06/2005/QĐ-BNN và Quyết định số 59/2007/QĐ-BNN đối với phân diện tích giao khoán; lập biểu tổng hợp diện tích rừng do chủ rừng tự tổ chức quản lý bảo vệ; gửi cơ quan nghiệm thu (Sở Nông nghiệp và PTNT) trước ngày 31/12 năm kế hoạch.

Hồ sơ nghiệm thu gồm: Biểu số 03: 02 bộ (lưu tại đơn vị chủ rừng 01 bộ và gửi cơ quan nghiệm thu 01 bộ)

c) Bước 3. Cơ quan nghiệm thu thực hiện nghiệm thu, tổng hợp, thông báo kết quả nghiệm thu cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh trước ngày 15/2 năm sau năm kế hoạch làm cơ sở thanh toán ủy thác tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của năm kế hoạch cho chủ rừng và các tổ chức không phải là chủ rừng nhưng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng.

Thành phần nghiệm thu gồm: Đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, chủ trì; đại diện Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm (hoặc Hạt kiểm lâm huyện), Ủy ban nhân dân xã (hoặc Trưởng thôn), lãnh đạo và cán bộ kỹ thuật của chủ rừng.

Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Biểu số 04: 02 bộ ( Chủ rừng 01 bộ, Sở Nông nghiệp và PTNT 01 bộ)

- Biểu số 05: 04 bộ (Chủ rừng 01 bộ, Sở Nông nghiệp và PTNT 01 bộ, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh 02 bộ)

### **2. Đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn**

a) Bước 1. Trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch chủ rừng lập bản tự kê khai kết quả bảo vệ rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng gửi Trưởng thôn tổng hợp (theo mẫu biểu số 01 kèm theo văn bản này)

Trưởng thôn phối hợp với thành viên Ban chỉ trả dịch vụ môi trường rừng cấp xã được phân công (nếu có) công khai bảng tổng hợp danh sách và diện tích rừng chỉ trả dịch vụ môi trường rừng của các chủ rừng tại cộng đồng thôn hoặc nơi công cộng thuận lợi nhất để người dân tiện theo dõi.

Trong trường hợp có các kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, Trưởng thôn có trách nhiệm phối hợp với thành viên Ban chỉ trả cấp xã được phân công (nếu có) xem xét giải quyết. Trường hợp không giải quyết được, Trưởng thôn có trách nhiệm báo cáo Ban chỉ trả cấp xã giải quyết.

Trước ngày 30/11, Trưởng thôn gửi bảng tổng hợp danh sách và diện tích rừng chỉ trả dịch vụ môi trường rừng của các chủ rừng kèm theo các kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (trong trường hợp không tự giải quyết được) về Ban chỉ trả cấp xã.

b) Bước 2. Trước ngày 15/12, Ban chỉ trả cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp diện tích rừng chỉ trả dịch vụ môi trường rừng toàn xã, gửi Ban chỉ trả cấp huyện.

Trong trường hợp có các kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, Ban chỉ trả cấp xã cùng Trưởng thôn có trách nhiệm xem xét giải quyết. Trong trường hợp không giải quyết được, Ban chỉ trả cấp xã chuyển hồ sơ (gồm kiến nghị của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn và biên bản xử lý) về Ban chỉ trả cấp huyện giải quyết.

c) Bước 3. Trước ngày 31/12 Ban chỉ trả cấp huyện tổng hợp diện tích rừng chỉ trả dịch vụ môi trường rừng toàn huyện.

d) Bước 4. Trước ngày 15/2 năm sau năm kế hoạch, Ban chỉ trả cấp huyện hoàn thành việc xác nhận, lập biểu tổng hợp kết quả nghiệm thu bảo vệ rừng chỉ trả dịch vụ môi trường rừng, gửi Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh làm cơ sở thanh toán uỷ thác tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của năm kế hoạch.

Trong trường hợp có kiến nghị của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn và trong trường hợp cần thiết khác Ban chỉ trả cấp huyện chủ trì phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra, nghiệm thu; thành phần nghiệm thu gồm: Đại diện Ban chỉ trả cấp huyện, Đại diện Ủy ban nhân dân xã, trưởng thôn, đại diện chủ rừng.

Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Biểu số 06: 02 bộ (Chủ rừng 01 bộ, Ban chỉ trả cấp huyện 01 bộ)
- Biểu số 07: 03 bộ (Ban chỉ trả cấp huyện 01 bộ, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh 02 bộ)

### III. Nội dung nghiệm thu

1. Đối với chủ rừng là tổ chức nhà nước, các tổ chức không phải là chủ rừng nhưng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng

a) Nghiệm thu về diện tích rừng

- Xác định diện tích thực tế: Diện tích thực tế của chủ rừng được xác định bằng diện tích theo kế hoạch được duyệt cộng với diện tích rừng tăng trong năm trừ đi diện tích rừng giảm trong năm.

- Đối với diện tích rừng không bị tác động hoặc bị tác động nhưng vẫn đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng: Được nghiệm thu đạt yêu cầu và được thanh toán 100% giá trị.

- Đối với diện tích rừng bị tác động (gồm khai thác, chặt phá, xâm lấn, bị cháy, chuyển mục đích sử dụng trái phép, bị thiệt hại do thiên tai bất khả kháng...), không còn khả năng cung ứng dịch vụ môi trường rừng: Nghiệm thu không đạt yêu cầu và không được thanh toán.

- Diện tích rừng thanh toán được xác định thông qua biên bản nghiệm thu kết quả cung ứng dịch vụ môi trường rừng (*theo mẫu biểu số 02 đính kèm văn bản này*).

- Việc xác định diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 34/2009/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí xác định và phân loại rừng; Thông tư số 27/VBHN-BNNPTNT ngày 06/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

b) Nghiệm thu về chất lượng rừng: Xác định lại hệ số K trong trường hợp cần thiết, do cơ quan nghiệm thu quyết định.

Đối với chủ rừng là tổ chức nhà nước thực hiện khoán bảo vệ rừng, trong trường hợp chủ rừng thống nhất được với hộ gia đình nhận khoán về áp dụng hệ số K: Nội dung nghiệm thu thực hiện theo quy định tại Quyết định số 06/2005/QĐ-BNN ngày 24/01/2005, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 59/2007/QĐ-BNN ngày 19/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định nghiệm thu trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, chăm sóc rừng trồng, bảo vệ rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế.

Ngoài ra, đối với các hộ nhận khoán bảo vệ rừng với chủ rừng cần có đánh giá về trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuần tra bảo vệ rừng; mặc dù chất lượng rừng không đổi so với lúc giao khoán nhưng việc không chấp hành quy định tuần tra, phối hợp xử lý các tác động và các tác động ở mức độ thấp cũng được xem xét đánh giá. Chủ rừng có thể đánh giá chất lượng bảo vệ rừng thông qua quá trình theo dõi hoạt động tuần tra quản lý bảo vệ của các hộ, thống nhất thể hiện trong Hợp đồng khoán.

Các tiêu chí chất lượng bảo vệ rừng (khác với chất lượng rừng) có thể gồm: việc chấp hành quy định tuần tra; phối hợp xử lý vụ việc tác động vào rừng không được phép khi có yêu cầu; có tác động vào rừng nhưng ở mức độ thấp chưa làm thay đổi trạng thái rừng nhưng các hộ không phát hiện và báo cho các cơ quan theo quy định...

#### **IV. Phương pháp tiến hành nghiệm thu**

1. Đối với chủ rừng là tổ chức nhà nước, các tổ chức không phải là chủ rừng nhưng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng:

a) Chủ rừng nghiệm thu, kiểm tra 100% diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của bên nhận khoán là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn; đối chiếu với hồ sơ về hiện trạng khu rừng, xác định tỷ lệ thực hiện bằng mục trắc hoặc đo đạc trực tiếp. Dựa vào hồ sơ nhật ký tuần tra, xử lý vi phạm để đối chiếu với các tiêu chí, các mức độ hoàn thành chất lượng bảo vệ rừng đã được các bên thống nhất.

b) Chủ rừng thống kê kết quả bảo vệ rừng đối với diện tích do chủ rừng tự quản lý bảo vệ; tự chịu trách nhiệm về diện tích, chất lượng rừng.

c) Cơ quan nghiệm thu do Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì: Kiểm tra tối thiểu bằng 10% diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng, đối chiếu với hồ sơ về hiện trạng khu rừng, xác định tỷ lệ thực hiện bằng mục trắc hoặc đo đạc trực tiếp.

2. Đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn: Trong trường hợp thực hiện nghiệm thu, kiểm tra 100% diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng, đối chiếu với hồ sơ về hiện trạng khu rừng, xác định tỷ lệ thực hiện bằng mục trắc hoặc đo đạc trực tiếp.

#### V. Kinh phí nghiệm thu:

- Kinh phí nghiệm thu bước 1 và bước 2 của các chủ rừng, chủ quản lý rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng: Sử dụng trong nguồn kinh phí 10% chi phí quản lý phục vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng của các chủ rừng.

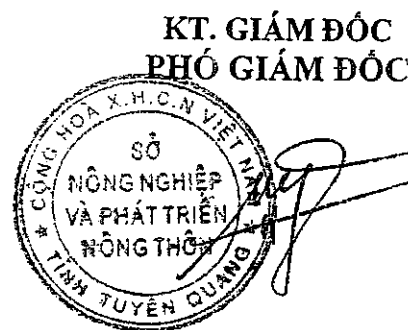
- Kinh phí nghiệm thu của cơ quan nghiệm thu ở bước 3: Sử dụng trong nguồn kinh phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang (theo Kế hoạch thu chi hằng năm của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh)

Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ hướng dẫn này triển khai thực hiện công tác nghiệm thu đúng thời gian, đảm bảo chất lượng làm cơ sở để thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng cho các đơn vị cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo qui định. /

#### Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo)
- GD, các Phó GD sở phụ trách LN;
- UBND các huyện: Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa (phối hợp chỉ đạo)
- Ban chỉ trả huyện: Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa;
- UBND các xã, thị trấn có cung ứng DVMTR, huyện Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa;
- BQL rừng phòng hộ Na Hang, Lâm Bình;
- Công ty TNHH MTV LN Chiêm Hóa;
- Hạt KL rừng đặc dụng Na Hang;
- Quỹ bảo vệ và PT rừng tỉnh;
- Phòng KH-TC Sở;
- Lưu VT.

Thực  
hiện



**Phạm Mạnh Cường**

**BẢN TỰ KÊ KHAI KẾT QUẢ BẢO VỆ RỪNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: Trưởng thôn.....

1. Họ và tên người kê khai: .....
2. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
3. Chỗ ở hiện nay:.....

Tôi xin tự kê khai kết quả bảo vệ rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng như sau:

TT	Khoảnh	Lô	Loại rừng (rừng trồng, rừng tự nhiên)	Diện tích theo kế hoạch được duyệt (ha)	Diện tích đề nghị thanh toán (ha)	Ghi chú (nguyên nhân giảm diện tích: cháy, sâu bệnh, khai thác...)

4. Kiến nghị: .....

Tôi xin cam đoan kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai sót tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm

Ngày tháng năm  
Người kê khai

*Handwritten mark*

Biểu 02: (sử dụng cho chủ rừng là tổ chức, tổ chức được nhà nước giao quản lý rừng)

Tên chủ rừng: .....

Nơi nhận: .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ BẢO VỆ RỪNG CUNG ỨNG DVMT RỪNG NĂM .....**  
(Bước 1- nghiệm thu nội bộ của chủ rừng đối với từng hộ nhận khoán)

- Căn cứ Hợp đồng khoán bảo vệ rừng cung ứng DVMT số .....

1. Thành phần nghiệm thu :

- Bên giao khoán:

+ Ông: ..... Chức vụ: Thủ trưởng

+ Ông: ..... Chức vụ: Kỹ thuật;

+ Ông: ..... Chức vụ: Kế toán.

- Bên nhận khoán :

+ Ông/bà : .....

2. Kết quả nghiệm thu

Stt	Khoảnh và chức năng rừng	Lô	Diện tích (ha)		Kết quả bảo vệ rừng (ha)							Diện tích được nghiệm thu (ha)	Ghi chú	
					Hoàn thành		Không hoàn thành, nguyên nhân							
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Hoàn thành tốt	Bị phá hoại đã báo cho cơ quan thẩm quyền	Bất khả kháng		Chủ quan					
1	3	4	5	6	7	8	Cháy, sâu bệnh	...	Cháy	Khai thác	...	14=7+8		

3. Kiến nghị:

Đại diện Bên giao khoán

Ngày ..... tháng ..... năm .....  
Hộ (nhóm trưởng) nhận khoán

Biểu 03 : (Sử dụng tổng hợp kết quả nghiệm thu của Chủ rừng là tổ chức nhà nước hoặc Tổ chức được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng )

Tên chủ rừng:  
Nơi nhận:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIỆM THU BẢO VỆ RỪNG CUNG ỨNG DVMT RỪNG NĂM.....**

TT	Huyện/Xã	Thôn	Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	Tiểu khu/khoảnh-chức năng rừng/lô	Diện tích (ha)		Kết quả bảo vệ rừng (ha)						Diện tích được nghiệm thu (ha)	Ghi chú	
					Theo hợp đồng	Thực hiện	Hoàn thành		Không hoàn thành, nguyên nhân						
							Hoàn thành tốt	Bị phá hoại đã báo cho cơ quan thẩm quyền	Bất khả kháng		Chủ quan				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	Cháy, sâu bệnh	...	Cháy	khai thác	....	15=8+9	

Kiến nghị: .....

Người tổng hợp/Cơ quan nghiệm thu

Ngày tháng năm  
Chủ rừng, chủ quản lý rừng  
(ký tên, đóng dấu)



Biểu 05 : (Sử dụng tổng hợp kết quả nghiệm thu của cơ quan nghiệm thu cấp tỉnh)

HĐNT cấp tỉnh  
Nơi nhận:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIỆM THU BẢO VỆ RỪNG CUNG ỨNG DVMT RỪNG NĂM.....**

TT	Huyện/Xã	Thôn	Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	K	Lô	Loại rừng (RT, TN)	Diện tích (ha)		Kết quả bảo vệ rừng (ha)						Diện tích được nghiệm thu (ha)	Ghi chú	
									Hoàn thành		Không hoàn thành, nguyên nhân						
							Theo hợp đồng	Thực hiện	Hoàn thành tốt	Bị phá hoại đã báo cho cơ quan thẩm quyền	Bất khả kháng		Chủ quan				
				Cháy, sâu bệnh	...	Cháy	khai thác	....									
1	2	3	4			5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=8+9	

Kiến nghị: .....

Người tổng hợp/Cơ quan nghiệm thu

Chủ rừng, chủ quản lý rừng  
(ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm

Đại diện HĐNT  
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 04 (sử dụng cho cơ quan nghiệm thu cấp tỉnh)

HĐNT CẤP TỈNH

Nơi nhận:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ BẢO VỆ RỪNG CUNG ỨNG DVMT RỪNG NĂM .....**  
(Bước 1 - nghiệm thu của cơ quan nghiệm thu cấp tỉnh đối với từng hộ nhận khoán)

1. Thành phần nghiệm thu :

- Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh:

+ Ông: ..... Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng

+ Ông: ..... Chức vụ: .....

+ Ông: ..... Chức vụ: .....

- Bên nhận khoán :

+ Ông/bà : .....

- Đại diện chủ rừng

+ Ông: ..... Chức vụ: .....

+ Ông: ..... Chức vụ: .....

+ Ông: ..... Chức vụ: .....

2. Kết quả nghiệm thu

Stt	Khoảnh	Lô	Loại rừng (trồng, tự nhiên)	Diện tích (ha)		Kết quả bảo vệ rừng (ha)							Diện tích được nghiệm thu (ha)	Ghi chú
						Hoàn thành		Không hoàn thành, nguyên nhân						
				Theo hợp đồng	Thực hiện	Hoàn thành tốt	Bị phá hoại đã báo cho cơ quan thẩm quyền	Bất khả kháng		Chủ quan				
								Cháy, sâu bệnh	...	Cháy	khai thác	...		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=7+8	

3. Kiến nghị: .....

Đại diện nhận khoán (nếu có)

Chủ rừng  
(ký tên, đóng dấu)

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Đại diện HĐNT cấp tỉnh  
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 06: (sử dụng cho nghiệm thu của Ban chỉ trả cấp huyện đối với chủ rừng là hộ gia đình)

BAN CHỈ TRẢ CẤP HUYỆN  
Nơi nhận:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ BẢO VỆ RỪNG CUNG ỨNG DVMT RỪNG NĂM .....**

(Bước 1 - nghiệm thu nội bộ đối với từng chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư)

1. Thành phần nghiệm thu :

- Ban chỉ trả cấp huyện:

+ Ông: ..... Chức vụ:

+ Ông: ..... Chức vụ:

+ Ông: ..... Chức vụ:

- Chủ rừng : Ông/bà : .....

- Đại diện UBND xã: Ông (bà).....chức vụ.....

- Trưởng thôn: Ông (bà).....

2. Kết quả nghiệm thu

Stt	Khoảnh và chức năng rừng	Lô	Diện tích (ha)		Kết quả bảo vệ rừng (ha)						Diện tích được nghiệm thu (ha)	Ghi chú		
					Hoàn thành		Không hoàn thành, nguyên nhân							
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Hoàn thành tốt	Bị phá hoại đã báo cho cơ quan thẩm quyền	Bất khả kháng		Chủ quan					
							Cháy, sâu bệnh	...	Cháy	Khai thác			...	
1	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=7+8		

3. Kiến nghị: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Đại diện chủ rừng

Đại diện UBND xã  
(ký tên, đóng dấu)

Trưởng thôn

Đại diện ban chỉ trả cấp huyện  
(ký tên, đóng dấu)

32

Biểu 07 : (Sử dụng tổng hợp kết quả nghiệm thu của Ban chỉ tra cấp huyện)

BAN CHỈ TRÁ CẤP HUYỆN  
Nơi nhận:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIỆM THU BẢO VỆ RỪNG CUNG ỨNG DVMT RỪNG NĂM.....**

TT	Huyện/Xã	Thôn	Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	K	Lô	Loại rừng (RT, TN)	Diện tích (ha)		Kết quả bảo vệ rừng (ha)						Diện tích được nghiệm thu (ha)	Ghi chú	
									Hoàn thành		Không hoàn thành, nguyên nhân						
							Theo hợp đồng	Thực hiện	Hoàn thành tốt	Bị phá hoại đã báo cho cơ quan thẩm quyền	Bất khả kháng		Chủ quan				
				Cháy, sâu bệnh	...	Cháy	khai thác	....									
1	2	3	4			5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=8+9	
..																	

Kiến nghị: .....

Người tổng hợp

Ngày ... tháng ... năm....

Đại diện Ban chỉ tra cấp huyện  
(ký tên, đóng dấu)